

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 29-7-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Hòa Ân;
- Bà Lê Thị Phương Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Bình – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 242/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Lý Thị H, sinh năm 1987; địa chỉ: Số 14/03/52, hẻm 66 đường N, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn H, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 14/03/52, hẻm 66 đường N, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn đề ngày 17/6/2024, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn (bà H) trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H và ông Trần Văn H chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 01/7/2008 tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn, gây gổ, bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh

phúc. Nay, bà Lý Thị H thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, nên làm đơn xin ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về con chung: Quá trình chung sống bà Lý Thị H và ông Trần Văn H có 02 con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 14/01/2008 và Trần Bảo S, sinh ngày 19/9/2009. Bà Lý Thị H giao 02 người con chung cho ông Trần Văn H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra nguyên đơn không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

** Theo bản tự khai ngày 10/7/2024 bị đơn (ông Trần Văn H) trình bày:*

Ông Trần Văn H thống nhất với lời trình bày của bà Lý Thị H về quá trình chung sống, đăng ký kết hôn và con chung.

- Về quan hệ hôn nhân: Trước yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị H thì ông Trần Văn H đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông H đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 14/01/2008 và Trần Bảo S, sinh ngày 19/9/2009; bà Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Tài sản chung, nợ chung: Tự khai không có tài sản chung, không có nợ chung.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn, bị đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Lý Thị H khởi kiện ông Trần Văn H về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Ông H có nơi cư trú tại số 14/03/52, hẻm 66 đường N, khu phố 5, thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Lý Thị

H và ông Trần Văn H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H và ông Trần Văn H chung sống với nhau từ năm 2008, hôn nhân tự nguyện có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 01/7/2008. Do đó đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn hôn nhân: Bà Lý Thị H cho rằng bà và ông H thường bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Vì vậy, bà H làm đơn xin ly hôn với ông H. Trước yêu cầu xin ly hôn của bà Lý Thị H thì ông Trần Văn H đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững, thế nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà Lý Thị H và ông Trần Văn H không đạt được những điều đó. Bà Lý Thị H yêu cầu ly hôn và ông Trần Văn H đồng ý nên ghi nhận.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Quá trình chung sống bà Lý Thị H và ông Trần Văn H có 02 người con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 14/01/2008 và Trần Bảo S, sinh ngày 19/9/2009. Bà H và ông H thống nhất giao 02 con chung cho ông H nuôi dưỡng và bà H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thấy đây là sự tự nguyện của hai bên nên ghi nhận.

[4] Tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu nên không xem xét.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng là phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 9, 53, 56, 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H đối với ông Trần Văn H về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H được ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Văn H trực tiếp nuôi dưỡng 02 người con chung tên Trần Bảo L, sinh ngày 14/01/2008 và Trần Bảo S, sinh ngày 19/9/2009. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lý Thị H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng (2.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 8 năm 2024.

Kể từ ngày ông H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, thì hàng tháng bà H còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí: Bà Lý Thị H chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0000224 ngày 24 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; bà H còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp Bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CCTHA DS huyện Dầu Tiếng;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND thị trấn Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

Trần Thị Tuyết